

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST.

Ngày: 16/01/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đặng Minh Lý**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Kim Thoa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Thành N, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố S, phường T, thành phố C, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thành N (văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018). (Có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Số khu phố M, phường N, thành phố C, tỉnh Bình Dương; địa chỉ hiện nay: khu phố U, phường N, thành phố C, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Số khu phố M, phường N, thành phố C, tỉnh Bình Dương; địa chỉ hiện nay: khu phố U, phường N, thành phố C, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018 của ông Phan Thành N và quá trình giải quyết, bà H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Phan Thành N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D có mối quan hệ bạn bè. Ngày 01/8/2018, ông N cho ông T và bà D vay số tiền là 3.400.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày 01/9/2018. Khi vay tiền, hai bên đã lập hợp đồng vay tiền đề ngày 01/8/2018, nhưng không thỏa thuận lãi suất vay và cũng không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền, ông T và bà D luôn tìm cách tránh né để không thanh toán số tiền đã vay cho ông N. Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông T và bà D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông N tổng số tiền là 3.451.000.000đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 3.400.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/11/2018 là 51.000.000đ.

Về phía bị đơn - ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng bà D không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu độc lập.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đối chất; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng ông T, bà D không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Ngày 18/12/2018, nguyên đơn ông Phan Thành N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D về việc buộc bà D phải liên đới cùng bị đơn ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền vay cho ông N.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 3.400.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày 02/01/2019 là 04 tháng x 0,75%/tháng x 3.400.000.000đ = 102.000.000đ; tổng số tiền yêu cầu là 3.502.000.000đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã T hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thành N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T, bà D vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 18/12/2018, nguyên đơn ông Phan Thành N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông N không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D phải liên đới cùng với bị đơn ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền vay cho ông N, mà chỉ yêu cầu đối với ông T. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Phan Thành N về việc buộc bà Nguyễn Thị D phải liên đới với ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền nợ cho ông N.

[3] Về số tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 3.400.000.000đ. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện đối với bị đơn là hợp đồng vay tiền đề ngày 01/8/2018 có chữ ký, dấu lần tay và chữ viết họ tên của bên vay tên Nguyễn Văn T. Nội dung của hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2018 thể hiện ông T có vay của ông N số tiền là 3.400.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày 01/9/2018, lãi suất vay hai bên tự thỏa thuận với nhau. Theo đại diện nguyên đơn trình bày do ông N và ông T có mối quan hệ bạn bè thân thiết và thời gian vay tương đối ngắn nên hai bên không thỏa thuận lãi suất. Nhưng từ khi vay tiền đến nay, ông T không thanh toán số tiền đã vay cho ông N, dẫn đến hai bên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, hợp đồng vay tiền lập ngày 01/8/2018 giữa ông Phan Thành N và ông Nguyễn Văn T, nội dung thể hiện ông T có vay của ông N số tiền là 3.400.000.000đ được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày

01/9/2018. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, ông T không thực hiện thanh toán tiền vay cho ông N là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 3.400.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2018 là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày 02/01/2019 là  $04 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 3.400.000.000\text{đ} = 102.000.000\text{đ}$ . Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn nên ngoài việc thanh toán số tiền nợ gốc, bị đơn còn phải trả lãi do chậm thanh toán tính từ ngày chậm trả. Đồng thời, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 0,75%/tháng hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cho nên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn với số tiền là 102.000.000đ.

[5] Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 3.502.000.000đ.

[6] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 244, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thành N về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D phải liên đới với bị đơn ông Nguyễn Văn T trong việc thanh toán số tiền nợ cho ông N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thành N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Thành N tổng số tiền là 3.502.000.000đ (Ba tỷ năm trăm lẻ hai triệu đồng); trong đó: số tiền nợ

gốc là 3.400.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền đề ngày 01/8/2018 và tiền lãi là 102.000.000đ (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phan Thành N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì ông T còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T phải nộp 102.040.000đ (Một trăm lẻ hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho ông Phan Thành N số tiền 25.255.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016 - 0022879 ngày 02/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Chung**

